

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/4/2018.
*V/v tranh chấp: Xin ly hôn, giao
nuôi con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Nhung và bà Bạc Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2018/TLST-HN&GD ngày 27 tháng 02 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lò Thị L**; sinh năm: 1984; nơi cư trú tại: Bản C, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp (có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Lò Văn H**; sinh năm: 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản C, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; hiện đang cải tạo tại phân trại 2, Trại giam Hồng Ca - Tổng cục VIII - Bộ công an (Bị đơn vắng mặt, có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26 tháng 02 năm 2018, bản tự khai tại Tòa án và phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, chỉ được gia đình tổ chức đám cưới nhưng chưa đi đăng ký kết hôn. Đến ngày 07/4/2011 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện

T, tỉnh Điện Biên. Kể từ khi chung sống, hạnh phúc cho đến khi anh H đã có hành vi đi mua bán trái phép chất ma túy và phải đi chấp hành án tại Trại giam Hồng Ca. Trong những năm đầu khi anh H đi chấp hành án chị L vẫn đi thăm, nhưng đến năm 2016 là chị L không đi thăm anh H nữa. Đến nay chị L cho rằng chị không còn tình cảm với anh H nữa bởi cuộc sống vợ chồng xa cách quá lâu. Vì vậy chị không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân này nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Lò Thị L được ly hôn với anh Lò Văn H.

Về con chung: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn H có 02 con chung, các cháu tên là Lò Văn K; sinh ngày 17/7/2002 và Lò Văn Q; sinh ngày 17/9/2005. Sau khi ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục các cháu K và Q cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; tôi không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh H hiện đang chấp hành án không có điều kiện. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho tôi về con chung.

Về tài sản chung: Kể từ khi kết hôn không tạo lập được tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, do hiện tại anh Lò Văn H đang chấp hành án tại Trại giam Hồng Ca nên Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự thì anh Lò Văn H trình bày như sau: Anh và chị Lò Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Giữa hai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì cho đến ngày 25/12/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu kết án 19 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Anh H đi cải tạo từ năm 2013 cho đến nay vẫn chưa chấp hành xong hình phạt tù, anh H cho rằng hiện tại không còn tình cảm với chị L. Đến nay chị L xin ly hôn, anh mong muốn được đoàn tụ nhưng nếu chị L nhất quyết ly hôn thì tùy ở chị L. Quá trình chung sống anh H và chị L có 02 con chung, các cháu tên là Lò Văn K; sinh ngày 17/7/2002 và Lò Văn Q; sinh ngày 17/9/2005. Nếu phải ly hôn anh đề nghị giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, hiện tại anh đang chấp hành án nên không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ chung, không có không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh H cũng có ý kiến, hiện tại do đang chấp hành hình phạt tù nên không thể tham gia phiên tòa nên anh H đề nghị được xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Không có kiến nghị về vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm; căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật HNGĐ năm 2014 và 147 BLTTDS về hướng giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình khởi kiện “Xin ly hôn, giao nuôi con chung” giữa nguyên đơn chị Lò Thị L với anh Lò Văn H. Sau khi nghiên cứu hồ sơ và tại phiên tòa đưa ra đề nghị như sau: Về hôn nhân: Xét thấy giữa chị Lò Thị L và anh Lò Văn H đã

không còn tình cảm, yêu thương, quan tâm lẫn nhau nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị L. Về con chung: Đề nghị giao cháu Lò Văn K; sinh ngày 17/7/2002 và cháu Lò Văn Q; sinh ngày 17/9/2005 cho chị Lò Thị L nuôi dưỡng; vì hiện tại anh H đang chấp hành án nên không có đủ điều kiện nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Đề nghị căn cứ vào quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xem xét miễn án phí ly hôn cho chị Lò Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện xin ly hôn, giao nuôi con chung của chị Lò Thị L và anh Lò Văn H thì được xác định là vụ án xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị Lò Thị L nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, anh Lò Văn H có nơi đăng ký hộ khẩu tại bản C, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ thông báo thụ lý vụ án, Tòa án cũng đã thực hiện việc ủy thác thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Lò Văn H, xét thấy sự vắng mặt có lý do không gây cản trở cho việc xét xử mà vẫn đảm bảo được đầy đủ quyền lợi cho anh H. Do đó HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[1.2] Về Hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn H kết hôn với nhau ngày 07/4/2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Vậy có thể xác định cuộc hôn nhân của chị Lò Thị L và anh Lò Văn H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Cuộc sống hôn nhân của anh chị hạnh phúc được những năm đầu cho đến khi anh Lò Văn H bị bắt và phải chấp hành hình phạt tù cho đến nay. Do khoảng thời gian xa cách đã dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, thiếu sự chia sẻ, quan tâm. Đến nay cả hai anh chị đều khẳng định không còn tình cảm với nhau nữa. Bởi vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng; cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn

nhân & gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị L, cho chị Lò Thị L ly hôn với anh Lò Văn H.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Lò Thị L và anh Lò Văn H thì thấy: Chị L nhận trực tiếp nuôi dưỡng Lò Văn K; sinh ngày 17/7/2002 và Lò Văn Q; sinh ngày 17/9/2005; không đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện tại anh H đang chấp hành hình phạt tù không có điều kiện. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại anh H đang đi chấp hành án nên không có điều kiện nuôi con. Đồng thời, nguyện vọng nuôi con của chị L hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ của cháu Q và cháu K. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, với điều kiện hoàn cảnh của chị Lò Thị L và anh Lò Văn H thì cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu nhận nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung của chị Lò Thị L để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt cũng như học tập của cháu Q và cháu K.

[3.2] Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4.2] Về nợ chung: Không có nợ chung, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.2] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Lò Thị L đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.
- Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị L.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L được ly hôn với anh Lò Văn H.
3. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Văn K; sinh ngày 17/7/2002 và cháu Lò Văn Q; sinh

ngày 17/9/2005, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh Lò Văn H chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lò Văn H có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

4. Về án phí: Chị Lò Thị L được miễn án phí ly hôn.

Chị Lò Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/4/2018); anh Lò Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Dương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu.

Lương Thị Nga